| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN CAI LẬY**<br>**TỈNH TIỀN GIANG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số:178/2022/HNGĐ-ST
Ngày 01/8/2022
V/v "Tranh chấp ly hôn"

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG**

***- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán chủ tọa phiên tòa*: Ông Hà Văn Phúc.

***- Các Hội thẩm nhân dân:***

1. Ông Huỳnh Văn Thanh;

2. Ông Nguyễn Văn Tư;

***- Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Trần Hồng Nhung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy.

Ngày 01 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cai Lậy mở phiên toà xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 269/2022/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2022 về việc: "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 145/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 130/2022/QĐHPTST-HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn: Chị Lâm Thị Kiều N, sinh năm 1985. Địa chỉ: Ấp 4, xã S, huyện C, tỉnh T (xin vắng mặt);*

*2. Bị đơn: Anh Lê Hoàng V, sinh năm 1991. Địa chỉ: Ấp 4, xã S, huyện C, tỉnh T (vắng mặt);*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**** Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai ghi ngày 10/4/2022, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày:***

Chị và anh Lê Hoàng V tự nguyện tiến tới hôn nhân và đăng ký kết hôn ngày 09/8/2016 tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện C, tỉnh T. Chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng cự cãi thường xuyên, vợ chồng ly thân từ năm 2020 đến nay. Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Xin ly hôn với anh Lê Hoàng V;

- Về con chung: Có 01 con chung tên Lê Yến V, sinh ngày 20/4/2015 đang sống chung với chị. Sau khi ly hôn chị yêu cầu tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung.

- Về cấp dưỡng, tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

***** Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý vụ án nêu rõ yêu cầu của nguyên đơn, đơn khởi kiện, bản tự khai, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả phiên họp về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh Lê Hoàng V vắng mặt không lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị Lâm Thị Kiều N.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét thấy chị Lâm Thị Kiều N có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Lê Hoàng V được triệu tập hợp lê tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt lần thứ 02 không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Chị Lâm Thị Kiều N xin ly hôn với anh V nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "Tranh chấp ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về yêu cầu của các bên đương sự: Quá trình giải quyết vụ án Lâm Thị Kiều N chỉ yêu cầu ly hôn với anh V, nuôi con chung. Anh Lê Hoàng V vắng mặt không lý do, Hội đồng xét xử nhận định:

3.1. Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy chị Lâm Thị Kiều N, anh Lê Hoàng V chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn nên được pháp luật công nhận là vợ chồng. Xét thấy tình cảm vợ chồng giữa hai người không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ do anh, chị chung sống không hạnh phúc, vợ chồng đã ly thân hơn 01 năm nay. Quá trình giải quyết vụ án chị Lâm Thị Kiều N cương quyết xin ly hôn, anh Lê Hoàng V được triệu tập hợp lệ tham gia tố tụng giải quyết vụ án nhưng vắng mặt không lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến, không có biện pháp hàn gắn mâu thuẫn vợ chồng và vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, điều đó chứng tỏ tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lâm Thị Kiều N.

3.2. Về con chung: Xét con chung đang sống cùng chị Lâm Thị Kiều N, cuộc sống sinh hoạt đã ổn định, con có nguyện vọng sống chung với mẹ nên nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Lâm Thị Kiều N.

3.3. Về cấp dưỡng, tài sản chung, nợ chung: Chị Lâm Thị Kiều N chưa yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Chị Lâm Thị Kiều N phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28; Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lâm Thị Kiều N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Lâm Thị Kiều N ly hôn với anh Lê Hoàng V.

2. Về con chung: Giao con chung tên Lê Yến V, sinh ngày 20/4/2015 cho chị Lâm Thị Kiều N chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Lê Hoàng V được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản.

3. Về án phí: Chị Lâm Thị Kiều N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0016143 ngày 29/4/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang nên đã nộp xong án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Hà Văn Phúc**

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TG;
- VKSND huyện CL;
- THADS huyện CL;
- UBND xã S;
- Các đương sự;
- Lưu;